**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II**

**Môn ĐỊA LÍ 9**

**I/ VÙNG ĐÔNG NAM BỘ**

***1. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng ntn đến sự phát triển ở ĐNB:***

Về tài nguyên thiên nhiên

+ ĐNB có điạ hình thoải, đất badan, đất xám, khí hậu cận xích đạo nóng ẩm-> mặt bằng xây dựng tốt, trồng các cây trồng thích hợp: cao su, cà phê, tiêu, điều, mía, hoa quả.

+ ĐNB có vùng biển ấm, ngư trường rộng, hải sản phong phú, gần đường hàng hải quốc tế. Thềm lục địa nông, rộng giàu tiềm năng dầu khí -> khai thác dầu khí, đánh bắt hải sản, giao thông và du lịch biển

+ Có mạng lưới sông ngòi thuận lợi cho sự phát triển thủy điện cung cấp nước tưới cho nông nghiệp.

**II/ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**
***1) Nêu thế mạnh về một số tài nguyên thiên nhiên dể phát triển kinh tế- xã hôị ở đồng bằng sông Cửu Long***
   -Với diện tích tương đối rộng, địa hình bằng phẳng, khí hậu cận xích đạo, nóng ẩm quanh năm, sự đa dạng sinh học, ĐBSCL có điều kiện tự nhiên thuận lơi để phát triển sản xuất như:
         + Đất đai: diện tích  gần 4 triệu ha, trong đó đất phù sa ngọt 1,2 triệu ha, đất phèn đất mặn 2,5 triệu ha -> đất đai phì nhiêu màu mỡ, rất thuận lợi cho sản xuất lương thực
         + Rừng ngập mặn ven biển và trên bán đảo Cà Mau chiếm diện tích lớn, trong rừng giàu  nguồn lợi động thực vật
         +Khí hậu cận xích đạo nóng ẩm, lượng mưa dồi dào. Sông ngòi kênh rạch chằng chịt tạo nên tiềm năng cung cấp phù sa cho đồng ruộng, cung cấp nước để cải tạo đất phèn mặn là địa bàn đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và phát triển giao thông vận tải đường sông
         + Vùng biển và hải đảo: Có nhiều nguồn hải sản phong phú. Biển ấm, ngư trường rộng lớn thuận lợi cho khai thác hải sản, du lịch
2.  ***Nêu một số khó khăn về mặt tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long? các biện pháp khắc phục***
\* Khó khăn

    - Diện tích đất phèn mặn lớn (2,5 triệu ha)

   - Hằng năm lũ lụt của sông Mêcông ảnh hưởng tơí sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt
   - Mùa khô thiếu nước cho sản xuất, sinh hoạt vì xâm nhập mặn
\* Biện pháp khắc phục
 Chủ động chung sống với lũ , khai thác các lợi thế kinh tế do lũ mang lại
***Câu 3/Phát triển mạnh công nghiêp chế bíên lương thực, thưc phẩm có ý nghĩa như thế nào đối với sản suất nông nghiệp ở ĐBSCL?( trang 133)***

* + Phát triển công nghiệp chế biến lương thực góp phần nâng cao giá trị và chất lượng sản phẩm, giúp sử dụng và bảo quản sản phẩm được lâu dài, đa dạng hóa sản phẩm lương thực thực phẩm
	Giúp cho sản phẩm lương thực thực phẩm nước ta mở rộng ra thị trường quốc tế
	Làm cho nền nông nghiệp của vùng dần tiến tới mô hình sản xuất liên kết công, nông nghiệp. Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

ĐBSCL ngành chế biến lương thực thực phẩm đứng đầu chiếm 65%

 ***Câu 3 (sử dụng Atslat Việt Nam .Xác định được vị trí ,địa hình và các trung tâm kinh tế lớn ở ĐBSCL***

Câu 4***) Vẽ biểu đồ bài tập 3 trang 133***

Sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước

*(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2013 | 2015 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3,0 | 3,4 | 3,6 |
| Cả nước | 5,1 | 6,0 | 6,5 |

- Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước
- Nêu nhận xét

      ( Gợi ý Nhận xét cần chú ý   + Sản lượng thủy sản của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long ………………………
         + Trong tổng sản lượng thủy sản của cả nước thì Đồng bằng sông Cửu Long luôn chiếm tỉ trọng …………………

       **III/ PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP KINH TẾ BIỂN ĐẢO**

- Học thuộc Cần nắm:

   + Bờ biển nước ta dài 3260 km, có 28/63 tỉnh thành giáp biển.

   + Đảo lớn nhất nước ta là đảo: Phú Quốc (Kiên Giang).

   + Các đảo lớn: Cát Bà (Hải Phòng), Lý Sơn (Quảng Ngãi), Phú Quý (Bình Thuận), Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu), Bạch Long Vĩ (Hải Phòng).

   + Các đảo tập trung nhất ở vùng biển các tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.

    + Quần đảo Hoàng Sa (TP Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hòa)

    + Những thùng dầu đầu tiên được khai thác ở nước ta vào năm 1986.

    + Nhà máy lọc dầu lớn nhất nước ta là Dung Quất (Quảng Ngãi).

Câu 1/***Trình bày những nguyên nhân dẫn đến sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển? Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên môi trường biển đảo.***

*1. Sự giảm sút tài nguyên và ô nhiễm môi trường biển -đảo.*

- Gần đây diện tích rừng ngập mặn ở nước ta giảm nhanh. Nguồn lợi hải sản cũng giảm đáng kể, một số loài hải sản có nguy cơ tuyệt chủng.

- Ô nhiễm môi trường biển có xu hướng gia tăng rõ rệt, làm suy giảm nguồn sinh vật biển,

*2. Các phương hướng chính để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển*

- Việt Nam đã tham gia những cam kết quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển

- Phương hướng

+ Điều tra đánh giá tiềm năng sinh vật tại các vùng biển sâu, đầu tư khai thác hải sản xa bờ.

+ Bảo vệ và trồng rừng ngập mặn.

+ Bảo vệ rạn san hô.

+ Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thuỷ sản.

+ Phòng chống ô nhiễm biển bởi các yếu tố hoá học, đặc biệt là dầu mỏ.

*\* Nguyên nhân làm ô nhiễm môi trường biển:*

* *Do các chất độc hại (ví dụ*) từ sông ngòi đổ ra biển.
* Sự thiếu ý thức của người dân và khách du lịch biển.
* Khai thác dầu khí ảnh hưởng đến môi trường biển (ví dụ)

*\* Hậu quả: - Làm suy giảm tài nguyên sinh vật biển.*

*- Ảnh hưởng xấu đến du lịch biển…….*

### Câu2 – Tiềm năng và thực trạng ngành khai thác - chế biến khoáng sản biển và giao thông vận tải biển.

*3. Khai thác và chế biến khoáng sản biển:*

- Tiềm năng: Biển nước ta có nhiều khoáng sản: dầu mỏ, khí đốt, ti- tan, muối.

- Thực trạng:

+ Nghề làm muối phát triển ở ven biển từ Bắc vào Nam, đặc biệt ở Nam Trung Bộ.

+ Khai thác dầu khí phát triển mạnh, tăng nhanh, chiếm vị trí hàng đầu trong sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

*4. Phát triển tổng hợp giao thông vận tải biển:*

- Tiềm năng:

+Gần nhiều tuyến đường biển quốc tế quan trọng.

+ Có nhiều vũng, vịnh, cửa sông để xây dựng các cảng biển.

- Thực trạng:

+ Nước ta có khoảng 120 cảng biển, lớn nhất là cảng Sài Gòn.

+ Đội tàu biển quốc gia được tăng cường mạnh mẽ, hình thành 3 cụm cơ khí đóng tàu lớn ở BB, Nam Bộ, Trung Bộ.

+ Dịch vụ hàng hải phát triển toàn diện.

+ Phát triển nhanh, ngày càng hiện đại cùng với quá trình nước ta hội nhập vào nền kinh tế thế giới.